

Tập tu

3.01.2009



Trong đời tôi, dường như ngoài việc được (hay bị) má tôi đẻ sớm, trước khoảng thời gian dự định thường lệ, chín tháng mười ngày cho một bào thai, mọi chuyện khác đều đến với tôi rất muộn màng. Yêu muộn mà tu cũng muộn!

Sinh ra trong một gia đình theo truyền thống Lão Khổng, quân xử thần tử thần bất tử bất trung, «Phu xử phụ tệt, phụ bỏ phu là bất nghĩa»... Tôi lớn lên theo khuôn thước của nhân nghĩa lễ trí tín, được rèn luyện bằng những câu ca dao tục ngữ ba má tôi thường ví von. Các mẫu ngụ ngôn, hoặc những câu chuyện đời nhan nhản xảy ra ở chợ, ở bến xe... là đề tài ba má tôi đem răn dạy các con.

Tôi cũng học từ những lầm lỗi do chính mình sau những lần ăn roi mây của ba tôi. Những cái lỗi mà đầu óc non nớt của một đứa trẻ, thích gì làm nấy, dọc phá tìm tòi đủ thứ mới lạ chung quanh. Tuổi mới lớn, tim óc nguyên khôi như tờ giấy trắng, đâu biết đã có những luật lệ từ bao đời của ông tổ bà sơ, bậc người lớn... Những định lệ được mệnh danh vì đạo đức, từ truyền thống, chông chéo ràng rịt, chặn trước ngăn sau, đề lên đầu lên cổ một tâm hồn vô tư vô tội vạ! Chuyện yêu thương trai gái thuở tuổi trăng tròn của chị em tôi, là điều bị ba má tôi cấm kỵ như một việc gì vô cùng xấu xa, tội lỗi. Tôi còn nhớ hình ảnh chị hai tôi, nước mắt lã chã, đòn roi tơi tả vì yêu!

Trong gia đình tôi, nhang đèn cúng quảy chỉ rình rang vào những ngày giỗ ông bà nội ngoại. Phật, Chúa, dường như tôi chỉ nghe người ngoài nhắc đến. Ngoại trừ câu cầu nguyện «Nam mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát, cứu khổ cứu nạn độ chúng sanh», má tôi lầm bầm mỗi khi bà chứng kiến một việc gì đó không may xảy ra, chẳng hạn như khi thấy một tai nạn xe cộ, hoặc đi ngang qua những người tàn tật ăn xin. Má tôi chỉ xin xỏ Quan Âm. Tôi chưa bao giờ nghe bà kêu gọi Phật. Riêng đối với một đứa khá ngổ ngáo như tôi, chỉ tin và để nằm lòng những gì ném hoặc rò mó được. Dù lắm lần ném phải bao vị đời đầy cay đắng, đôi lần phỏng tay vì thử «lửa» ... Các kinh nghiệm thực tiễn, mắt thấy tai nghe vẫn là những điều tôi lấy đó làm tin. Phật pháp đối với tôi, là một điều gì vô cùng mơ hồ. Hơn thế nữa, sáu câu vọng cổ mùi mẫn của «chuyện tình Lan và Điệp», lấy nước mắt của bao thanh thiếu niên, và nhiều câu

chuyện thật mà tôi được nghe lồm bồm, đã cho tôi những ý tưởng rất tiêu cực về Đạo Phật: Vào chùa vì thất tình, vì chán đời, vì muốn trốn quân dịch... Rồi, cuối cùng Lan chết sau khi tu!!!... Cá nhân tôi, từ nhỏ đến lớn, chưa từng tởm vì thất tình, cũng chưa chán quá độ cái cõi đời lắm kẻ chê này. Tôi lại là đàn bà con gái, không phải tòng quân... nên cửa chùa xa tôi thăm thẳm. Tôi không thấy mình có lý do, không dây mơ rễ má liên hệ nào để bước vào chùa, để tu.

«Áo mặc sao qua khỏi đầu» là cái câu từ đó tôi bị lấy chồng. «Định mệnh trong tay ta», «Tận nhân lực mới tri thiên mệnh» ... như ba tôi đã dạy là những câu tôi lấy làm tâm niệm, theo đó mà tự lực cánh sinh, nên không bao giờ tôi biết cầu nguyện. Dù thuộc lòng câu Quan Thế Âm má tôi thường dùng, nhưng tôi không áp dụng. Tôi nghĩ Quan Âm ở đâu sẵn để đến giúp và giúp bằng cách nào? Dịp Tết, tôi và vài người bạn đến chùa xem thiên hạ đông vui. Tôi đứng nhìn vào chánh điện, ngắm tượng Phật về phương diện mỹ thuật chứ không lạy Phật. Thiên hạ cầu nguyện nhang khói mịt trời, lụp xụp lạy tượng. Cả cô bạn tôi cũng lâm râm khấn vái cho cậu con lười biếng ham chơi được thi đậu... Lúc đó tôi chỉ lắc đầu và thầm tội nghiệp hy vọng mỏng manh của cô nàng. Phật pháp hoàn toàn không có mặt trong ý nghĩ của tôi. Cho mãi đến gần cuối năm 2007, sau ngày tôi mất mẹ, khi tôi đã ở cái tuổi ngoài năm mươi, khi duyên đến, tôi bắt đầu tập tu, dù tu muộn.

Tôi phải cảm ơn những người ấn tống sách Phật. Chính từ những quyển sách này, tôi đi vào Đạo. Số là, tình cờ sau lần cầu siêu cho mẹ tôi ở chùa, tôi chọn vài quyển biếu không đem về đọc, lấp cho đầy thời gian cuối tuần không làm việc, mà cũng không còn mẹ để thăm nom chăm sóc. Lại thêm các trang Web Phật pháp như web chùa Quảng Đức, web Thư Viện Hoa Sen ... Từ đó, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Nghiệp, Nhân Quả, tinh thần Vô Thường Vô Ngã Vô Tác, thuyết Mười Hai Nhân Duyên, lục độ Ba La Mật, tánh Không ... cuốn hút tôi như nam châm. Tôi bắt đầu đi chùa, nhìn tượng Phật bằng cái nhìn khác hơn và bắt đầu lạy Phật. Lạy với đầu cúi xuống thật thấp, thoát đầu, tôi nghĩ là mọi người tỏ lòng kính phục Phật, người đã dám từ bỏ nhung lụa vàng son, sống đời khổ hạnh để tìm ra những nguyên lý giải khổ cho nhân loại. Cúi đầu đưng đất, nghĩa là phục sát đất. Sau này, khi rõ hơn, lạy Phật không nông cạn như tôi đã hiểu trong những tháng cuối năm 2007. Tôi phục Phật, không phải phục vừa vừa, mà phục lặn một trí tuệ siêu việt kèm theo lòng từ bi mênh mông không ngần mé đối với chúng sanh.

Nhà tôi ở gần chùa Pháp Bảo. Hơn hai mươi năm lái xe đi làm qua lại ngang chùa, qua lại thờ ơ! Lâu lắm rồi, có một lần tôi vào thư viện chùa định mượn sách về đọc, xui rủi hôm ấy thầy có chuyện gấp nên phải khoá thư viện. Lúc đó trái tim dễ xúc động kèm theo lòng tự ái ngút trời

của tôi bị tổn thương kha khá. Tôi thầm nghĩ: «Bộ ông Sư sợ mình chôm sách hay sao?». Lần khác, tôi đến một chùa nọ định hỏi đôi điều về đời và đạo, thì lại gặp giờ các thầy nghỉ trưa! Tôi thiết nghĩ: công viên chức, những người lao động mệt ứ hự, mệt tóe khói thì cần nghỉ trưa để đỡ quạu với bản dân, hoặc để phục hồi sức lực. Cửa chùa luôn rộng mở và các thầy nhàn hạ, sao không thể có một thầy thức trực để đón một vài người muốn «bỏ tà quy chánh», cho nhân gian bớt một kẻ khổ đau?! ... Thôi thì, cái đầu câu nệ của tôi được dịp dèm pha, phê phán về sự ngu ngốc kỹ lưỡng của các thầy!

Khi cái duyên chưa đến thì như thế đấy! Và khi duyên đến thì phật tử sơ cơ này, trong thời gian ngắn từ khi biết đạo, đã quay một góc 180 độ. Quy y Tam Bảo: Phật-Pháp-Tăng và tháng Năm, 2008. Tôi như căn nhà tối om om được sao xẹt, như bé Alice được lạc vào wonderland đầy kỳ hoa dị thảo. Tôi hồ hởi thường thức Đạo Phật bằng hết thầy sáu căn: mắt nhìn Phật (không phải tượng) bằng tất cả lòng thương kính. Mũi ngửi hương nhang và hoa quả trên chánh điện. Tai nghe chuông mõ, kinh kệ. Lưỡi nếm thường xuyên các món chay ngon đáo để trong chùa (người ta thường nói ăn chực ngon hơn ăn nhà). Thân lay sùm sụp, ngồi bán kiết già vừa mới vừa tê (là thế ngồi mà, dưới mắt nghề nghiệp, rất ư là không nên, trên phương diện cơ thể học và sinh lý học). Ý tâm đã bớt vô minh ngu độn với tham chấp của thế gian, dù tôi vẫn là kẻ phàm chính cống.

Khi nghiệp chướng trả dần thì phước duyên đến ào ào. Tôi đã được tham dự Lễ An Cư Kiết Hạ của các Tăng Ni vào tháng Bảy năm nay tại chùa Linh Sơn, tiểu bang Melbourne. Đó là lần đầu tôi nghe tên Kinh Pháp Hoa (Diệu Pháp Liên Hoa), và được các Thầy giảng một mạch hết 28 phẩm trong mười ngày ngắn ngủi. Trong kinh này Phật cho biết ai ai trong kiếp người đều có Phật tánh ẩn tiềm. Phật Thích Ca chỉ là thể hiện của Phật đã thành từ vô lượng kiếp, giảng tràn để cứu độ chúng sanh trong cõi ta bà đầy khổ đau, vật vả với vô minh và tham ái. Tôi bắt đầu chùi sáng viên ngọc Phật đã từ bi trao tặng. Càng phải bớt bụi trần, càng xa rời những thế loại được xem là thú vui hạnh phúc của thế nhân, thêm thì giờ trầm mặc, tôi càng thấu hiểu và thường thức một loại hạnh phúc tự tại tuyệt vời.

Tháng Mười Một vừa qua, tôi lại đủ duyên được tham dự chuyến hành hương Phật Tích, Tứ Động Tâm vùng Bắc Ấn, một chuyến đi thật động tâm, do Thầy Thích Nguyên Tạng của chùa Quảng Đức Melbourne và đạo hữu An Hậu Tony Thạch tổ chức. Một đoàn người khoảng trăm mạng, trong đó có Phật Tử mới tinh, mới cất chỉ này. Đầu năm ngoái tôi đã đặt chân đến Mumbai, thành phố thịnh vượng nhất của Ấn Độ. Tôi mang về một ấn tượng Bombay với

những tà sari đầy màu sắc và nạn nhân của thế giới. Chẳng bù lần này, hướng về Lâm Tì Ni (Lumbini) nơi Phật đản sanh. Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) với Khổ Hạnh Lâm, nơi Phật sáu năm tu hành xác trong một động nhỏ được tượng trưng bằng một hình vóc ốm đói xanh xao, và Kim Cang Toà Bồ Đề, nơi Phật toạ thiền bốn mươi chín ngày đắc đạo. Thành phố Varanasi linh thiêng với sông Hằng, Vườn Lộc Uyển (Sarnath) nơi Phật chuyển Pháp Luân đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như về triết lý Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Thành Tỳ Xá Ly (Kusinagar) nơi Phật nhập Niết Bàn. Ngoài ra đoàn còn được viếng thăm các danh tích khác như núi Linh Thứu, Trúc Lâm Tịnh Xá, Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đại học Na Lan Đà, các Bảo Tháp những Đệ Tử lỗi lạc của Phật như Ananda, Xá Lợi Phất ... và các chùa Việt Nam. Ấn tượng là đoàn hành hương gần trăm phật tử với áo tràng chỉnh tề, từng bước từng bước đều đặn, miệng niệm nam mô đồng loạt, thiền hành quanh các Phật tích. Những lời cảm tưởng hòa nước mắt của các đệ tử bọc bạch với thầy trưởng đoàn và phái đoàn. Bụi, ăn mày đủ hạng tuổi, ổ gà đầy đường, những con bò ốm đói ... cũng là những hình ảnh tôi mang về Sydney. Tôi còn đem về đôi ba điều, mà có lẽ, sống mang theo, chết cũng mang theo: Ngũ (không phải Tứ) Động Tâm nằm gọn ghẽ trên mười đầu ngón tay tôi của hai bàn tay chụm lại. Vườn Lâm Tì Ni, nơi Phật giáng sinh (hai đầu ngón tay cái). Khổ hạnh lâm (hai đầu ngón trỏ). Bồ Đề Đạo Tràng (hai đầu ngón giữa). Vườn Lộc Uyển (hai đầu ngón áp út) và Thành Câu Ti Na (hai đầu ngón út), nơi Phật nhập Niết bàn. Tôi còn mang thêm hành trang khác cũng không kém phần quan trọng. Đó là những lời nhắn nhủ chân thành và đầy tình của Đức Đạt La Lạt Ma: *Các bạn và tôi có cùng một ông Thầy ; mỗi ngày hãy tu tập hành thiền để làm rõ thêm Phật tánh trong ta ; là những người lưu vong, chúng ta hãy cố gắng duy trì văn hoá dân tộc mình ...*

Những ngày đầu trở về Sydney, mỗi lần chấp tay lạy Phật hoặc niệm Phật thiền hành, lòng tôi lại cuộn cuộn nổi trận phong ba. Nước mắt tha hồ rơi trên tay, trên áo. Tưởng chừng mình vẫn đang thiền hành quanh tượng Phật nằm nhập diệt ở Câu Ti Na, như đang chấp tay dưới cội Bồ Đề ở Bồ Đề Đạo Tràng, nơi thầy Nguyên Tạng đã cắt chút tóc của tôi và một số đạo hữu trong Lễ Thế Phát ... Những lần đi Bụi (bushwalk), gió núi lồng lộng ở công viên quốc gia (National Park) ở miền Tây Sydney, mà tôi vẫn tưởng như mình còn nấn nịu ngồi lại đỉnh núi Linh Thứu, nơi Phật giảng tuyệt kinh Pháp Hoa mấy ngàn năm xa xưa!... Có lần thầy Nguyên Tạng kể cho phật tử trong đoàn nghe: *«Khi người ngồi cạnh trong chuyến bay đến Ấn Độ hỏi thầy đi đâu. Thầy bảo là thầy trở về quê hương. Người đó ngạc nhiên vì thấy thầy mặt mũi không giống người Ấn chút nào. Thầy nghĩ là thầy đang trở về quê Đấng Từ Phụ»*. Lòng tôi vẫn bồi hồi xúc động khi lập lại lời nói này của Thầy trưởng đoàn. Tôi nghĩ cả đoàn hành hương, dù mỗi người chia tay mỗi nẻo, trở về cuộc sống thường nhật áo cơm, nhưng những giọt nước mắt lóng lánh,

giọng nói nghẹn ngào của tình thật sâu, nghĩa thật đầy ... đã để lại, mang về, tất cả dấu tích, kỷ niệm thiêng liêng từ đất linh Từ Phụ.

Tôi đi vào biển đạo mệnh mông thật trẻ muộn cho một đời người, tóc đã hoa râm. Văn tự kinh điển tràn ngập qua các sách ấn tống, qua internet. Điều nào thắc mắc thì tôi ghi lại hỏi Thầy. Ngón tay chỉ mặt trăng. Thoạt đầu tôi nghĩ, ngón tay tượng trưng cho Thầy và mặt trăng là Phật Pháp. Bây giờ, tôi hiểu ngón tay là Pháp, mặt trăng là sự giác ngộ của chính mình. Một lúc nào đó, có lẽ ngón tay sẽ vô hình và trăng cũng không tượng...

Tôi tập ngồi thiền như một cách để kỹ luật cái tâm chạy rong lan man đã mấy chục năm trong cõi trần ai. Tôi không còn hối hả như bị ma đuổi vì đã hiểu về tính Vô Thường của đời sống và tánh Không của sự vật. Buông và bỏ dễ dàng hơn qua những bài học Tham-Sân-Si. Cái nhìn giữa ta và người được thay đổi và hỗ trợ bởi tinh thần Vô Ngã và tâm Từ Bi như Phật đã dạy ... Cứ thế tôi rèn mình, dù người đưa ra giáo lý vi diệu này đã xa tôi thật xa. Sau chuyến hành hương, khoảng cách thời gian và không gian giữa Thầy và Đệ Tử đã được thu ngắn, thật ngắn. Và những ngày tháng này, tôi dành nhiều thì giờ hơn cho một việc: Tập tu.

Lâm Kim Loan

Sydney, Tháng 12- 2008



Kim Loan hay Lâm Kim Loan, quê miền sông nước Kiên Giang - Rạch Giá. Sinh viên trường Thuốc Sài Gòn rồi Sydney, hiện là Bác sĩ y khoa tại Cabramatta, nơi đồng đảo đồng hương ở Sydney. Tham gia nhiều sinh hoạt về Văn hóa, Xã hội, Từ thiện ... trong Cộng đồng Việt tại Úc châu.

Lâm Kim Loan làm thơ, viết văn như một nhu cầu trong đời sống tình cảm của mình..

Nguồn: http://phusaonline.free.fr/ButViet/KimLoan/20_Taptu.htm